

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B415

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
1	100001	Nguyễn Thùy Ngọc	Anh	24/03/1993		
2	100002	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	28/04/1995		
3	100003	Quế Văn	Cảnh	19/06/1995		
4	100004	Nguyễn Lê Bích	Châu	11/01/1998		
5	100005	Lâm Thị Thanh	Diễm	12/08/1996		
6	100006	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	31/07/1991		
7	100007	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	23/07/1998		
8	100008	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	21/08/1998		
9	100009	Đỗ Thị Hạnh	Dung	28/07/1995		
10	100010	Võ Đức	Duy	04/03/1992		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B415

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
11	100011	Trần Việt	Hân	21/12/1993		
12	100012	Lê Thị Thu	Hằng	26/05/1997		
13	100013	Lê Thị Thúy	Hằng	06/09/1998		
14	100014	Nguyễn Thị Bích	Hằng	10/09/1991		
15	100015	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	12/09/1990		
16	100016	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	19/02/1996		
17	100017	Mai Thị	Hiền	15/07/1997		
18	100018	Nguyễn Quốc	Hiền	13/08/1996		
19	100019	Trương Thị Thanh	Hiền	05/04/1998		
20	100020	Lương Anh	Hiếu	22/01/1996		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B415

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
21	100021	Trần Văn	Hiếu	11/04/1987		
22	100022	Đặng Thị	Huyền	07/06/1998		
23	100023	Lý Thị Khánh	Huyền	12/11/1998		
24	100024	Nguyễn Quốc	Huy	11/07/1998		
25	100025	Trần Thị Ngọc	Khánh	08/04/1998		
26	100026	Vũ Nguyễn Thụy	Khuê	06/04/1993		
27	100027	Huỳnh Thị Ngọc	Khuyến	02/03/1997		
28	100028	Nguyễn Thị Bích	Lài	02/10/1993		
29	100029	Nguyễn Thị	Liên	22/05/1995		
30	100030	Nguyễn Chánh	Linh	10/11/1990		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

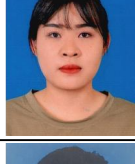
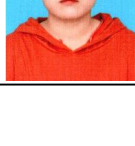
Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B416

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
1	100031	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/09/1991		
2	100032	Phạm Phi	Long	04/07/1997		
3	100033	Nguyễn Thị	Luyến	17/12/1998		
4	100034	Võ Minh Hải	Lý	20/08/1997		
5	100035	Nguyễn Tấn	Lượng	18/03/1998		
6	100036	Nguyễn Thanh Trà	My	07/10/1998		
7	100037	Trần Mai Thảo	My	28/08/1994		
8	100038	Phạm Thị Thanh	Ngân	09/01/1998		
9	100039	Trần Tiểu Lệ	Ngân	04/04/1994		
10	100040	Hồ Bá Minh	Nghi	10/09/1995		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B416

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
11	100041	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	05/05/1992		
12	100042	Phạm Thị Mộng	Ngọc	/ /1993		
13	100043	Trần Thế	Nguyễn	30/05/1997		
14	100044	Dương Đức	Nhật	08/10/1996		
15	100045	Trần Võ Thanh	Nhã	26/09/1997		
16	100046	Trần Thị Yến	Nhi	06/08/1997		
17	100047	Trần Thị Yến	Nhi	16/05/1998		
18	100048	Đặng Lê Hải	Như	09/01/1998		
19	100049	Đinh Thị Khải	Nường	04/08/1998		
20	100050	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	05/03/1996		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B416

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
21	100051	Trần Hoài	Phong	30/06/1992		
22	100052	Nguyễn Hoàng	Phụng	28/02/1997		
23	100053	Du Khanh	Phúc	09/02/1998		
24	100054	Mai Thanh	Phúc	02/03/1992		
25	100055	Nguyễn Vinh	Phú	08/08/1998		
26	100056	Võ Minh	Phú	31/05/1997		
27	100057	Trần Minh	Phương	01/07/1998		
28	100058	Lê Thị Thảo	Quyên	30/06/1996		
29	100059	Trương Thanh	Sang	20/01/1996		
30	100061	Lê Xuân	Star	18/04/1996		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B416

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
31	100062	Võ Phú	Sơn	03/01/1998		
32	100063	Đỗ Hoàng Phương	Thảo	18/03/1991		
33	100064	Hồ Thị Phương	Thảo	27/10/1991		
34	100065	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/05/1995		
35	100066	Trần Trúc	Thiên	19/06/1996		
36	100067	Đỗ Quang	Thiện	24/09/1998		
37	100068	Nguyễn Hoàng Dạ	Thi	04/06/1997		
38	100069	Nguyễn Nhật Ái	Thi	01/05/1998		
39	100070	Đỗ Thành	Thuận	08/03/1998		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B417

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
1	100071	Nguyễn Thị	Thúy	27/02/1997		
2	100072	Diệp Bảo	Thy	20/04/1998		
3	100073	Nguyễn Phương	Thy	24/01/1995		
4	100074	Phạm Đình Phúc	Thịnh	26/10/1993		
5	100075	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	26/02/1994		
6	100076	Huỳnh Xuân	Tiến	07/10/1998		
7	100077	Hoàng Quốc	Toản	08/08/1996		
8	100078	Nguyễn Thị	Trang	24/06/1987		
9	100079	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/07/1994		
10	100080	Phạm Nguyễn Huyền	Trang	20/09/1991		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B417

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
11	100081	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	25/01/1998		
12	100082	Trần Thị Ngọc	Trâm	12/06/1995		
13	100083	Đỗ Thị	Trâm	30/01/1993		
14	100084	Lê Thị Thu	Trà	11/02/1998		
15	100085	Phan Trọng	Trung	04/09/1992		
16	100086	Đỗ Khai	Trí	25/01/1991		
17	100087	Nguyễn Hoàng	Tuấn	18/04/1993		
18	100088	Huỳnh Y	Tú	24/06/1997		
19	100089	Đặng Thương	Tín	04/05/1989		
20	100090	Hà Uyên	Uyên	13/12/1998		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B417

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
21	100091	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	21/06/1998		
22	100092	Đặng Thị Thu	Vân	08/12/1993		
23	100093	Đinh Thị Hồng	Vân	16/09/1999		
24	100094	Huỳnh Ái	Vân	02/03/1997		
25	100095	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	21/09/1996		
26	100096	Võ Thị Kiều	Vân	18/11/1995		
27	100097	Nguyễn Thị Tường	Vi	26/03/1993		
28	100098	Nguyễn Thúy	Vy	03/01/1998		
29	100099	Nguyễn Thị Tường	Vy	11/06/1995		
30	100100	Phạm Vũ Phương	Vy	24/03/1999		

DANH SÁCH THI TUYỂN KHOÁ 24.2 - LIÊN THÔNG ĐHCQ

Ngành/Chuyên ngành thi: **QUẢN TRỊ**

Ngày thi: **24/11/2019**

Giờ thi:

Phòng thi:

B417

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HÌNH	GHI CHÚ
31	100101	Nguyễn Thị Như	Ý	27/12/1998		
32	100102	Phạm Thị Như	Ý	27/11/1998		